

Bản án số: 29/2022/HS-PT
Ngày: 06-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 và ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2022/HSPT ngày 02 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Lý Thị Tuyết M. do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.:

Bị cáo có kháng cáo:

Lý Thị Tuyết M., sinh ngày 15/3/1986 tại huyện T., tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp X., xã A., huyện T., tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; con ông Lý Văn L., sinh năm 1952 và bà Lê Thị Thu H., sinh năm: 1957; chồng là ông Bùi Văn Đ., sinh năm 1980 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 50 phút ngày 14/3/2021, Lý Thị Tuyết M. cùng chồng là anh Bùi Văn Đ. đến tiệm vàng Lê S. thuộc tổ 7, khóm I, thị trấn L., huyện T. (do ông

Lê Văn S. làm chủ) để chuộc lại chiếc nhẫn vàng 18 kara đã cầm trước đó. Đến tiệm vàng, M. đi vào gặp anh Võ Thành Nh. (Nhân viên của tiệm) để chuộc lại nhẫn. Cùng lúc này, anh Nh. vừa nhận mua của chị Neàng T1. 01 chiếc lắc tay vàng 24 kara, trọng lượng 05 chỉ anh Nh. đang cầm trên tay. Tiếp đó, anh Nh. quay sang lấy chiếc nhẫn, giấy biên nhận cầm nhẫn đưa cho M. và nhận tiền chuộc vàng do M. đưa. Do đếm tiền, nên anh Nh. để chiếc lắc vàng mua của chị T1. trên tủ kính trước mặt M. thì M. nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc lắc, lợi dụng lúc anh Nh. không chú ý M. liền lấy trộm chiếc lắc cầm trong lòng bàn tay, rồi tiếp tục đưa tiền lãi cầm nhẫn cho anh Nh. kiểm đếm. Sau khi anh Nh. kiểm đếm xong, M. cầm chiếc lắc vừa lấy trộm được đi ra xe cho anh Đ. chở về nhà. Trên đường về, M. để chiếc lắc vừa trộm được trong túi nilon và cất giấu tại gốc cây xoài cách nhà M. khoảng 04 m.

Sau khi phát hiện mất chiếc lắc, anh Nh. đến Công an thị trấn L. trình báo, còn ông S. và vợ là bà Võ Thị Ngọc S1. xem lại camera, phát hiện M. là người trộm chiếc lắc, nên bà S1. trích xuất hình ảnh của M. đăng trên mạng xã hội Facebook để truy tìm. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Thị Kỳ D. (cháu của M.) xem Facebook thấy liền nói lại cho M. biết. Biết bị phát hiện, M. đến tiệm vàng Lê S. trả lại chiếc lắc và thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

** Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 321/KL-HĐĐG.TTHS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T., kết luận: 01 chiếc lắc tay kim loại vàng 24 kara, trọng lượng 05 chỉ, được định giá 25.900.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).*

Ngày 18/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lý Thị Tuyết M. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSTB-HS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. đã truy tố Lý Thị Tuyết M. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T. đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Lý Thị Tuyết M. 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2022 bị cáo Lý Thị Tuyết M. làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lý Thị Tuyết M. vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Bị cáo trình bày: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thật thà khai báo và thành khẩn ăn

năn hối cải, bị cáo đã trả toàn bộ tài sản cho ông Lê Văn S. và ông S. cũng có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện tại, hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi cha mẹ già bị bệnh và con nhỏ còn đang đi học. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Lý Thị Tuyết M. kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất vụ án, xét xử bị cáo Lý Thị Tuyết M. về tội “Trộm cắp tài sản” và tuyên phạt mức án 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ là đang nuôi cha mẹ già và 03 con (nhỏ nhất sinh năm 2016); bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời UBND xã A., huyện T. cũng có xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các hộ dân nơi bị cáo cư trú cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng án treo. Xét toàn diện vụ án nhận thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, thiệt hại trong vụ án đã được bị cáo khắc phục, giai đoạn điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Thị Tuyết M., có thể xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm cũng đảm bảo răn đe và phòng ngừa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Lý Thị Tuyết M. kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lý Thị Tuyết M. tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 321/KL-HĐĐG.TTHS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T. và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 06 giờ 50 phút ngày 14/3/2021, Lý Thị Tuyết M. đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của anh Võ Thành Nh. (nhân viên của tiệm) để lấy trộm 01 chiếc lắc tay kim loại vàng 24 kara, trọng lượng 05 chỉ có trị giá 25.900.000 đồng của ông Lê Văn S. – Chủ DNTN tiệm vàng Lê S.. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Còn đối với Bùi Văn Đ. có hành vi sống chung vợ chồng với Lý Thị Tuyết M. khi M. chưa đủ 16 tuổi là vi phạm pháp luật. Nhưng đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T. không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ. là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lý Thị Tuyết M.:

Bị cáo đứng trước tòa là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức để phân biệt đúng, sai, việc nào nên làm và không nên làm. Bản thân là phụ nữ lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, nuôi dạy con cái, trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội. Thế nhưng chỉ vì tham lam, muốn có nhiều tiền tiêu mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của nhân viên tiệm để lấy trộm tài sản. Hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giao nộp tài sản chiếm đoạt để bồi thường, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên phạt Lý Thị Tuyết M. 06 tháng tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Lẽ ra phải giữ nguyên án sơ thẩm, tuy nhiên xét thấy, tại giai đoạn phúc thẩm: Người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ; bị cáo là phụ nữ, là lao động chính trong gia đình, còn phải nuôi cha mẹ già đang bị bệnh và 03 con (nhỏ nhất sinh năm 2016); bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh; bị cáo nhất thời phạm tội. Đồng thời UBND xã A., huyện T. cũng có xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính phải nuôi sống gia đình và các con nhỏ, nếu bắt bị cáo vào thụ hình án sẽ gây khó khăn, ảnh hưởng kinh tế cho bản thân và gia đình bị cáo. Ngoài ra, từ khi vụ án khởi tố đến nay, trong thời gian tại ngoại bị cáo đã chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, không vi phạm gì mới. Đối chiếu Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải và để tạo điều kiện cho bị cáo ở địa phương lao động chân chính phụ giúp gia đình, nuôi dạy con cái và phụng dưỡng cha mẹ già, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể giữ nguyên mức hình phạt tù của cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lý Thị Tuyết M. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lý Thị Tuyết M..
Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị Tuyết M. 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm (một năm) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 06/4/2022).

Giao bị cáo Lý Thị Tuyết M. cho Ủy ban nhân xã A., huyện T., tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự (Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Lý Thị Tuyết M. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện T.;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T.;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện T.;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng